PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH - BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BỘ TÀI CHÍNH - BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 218/2012/TTLT-BTC-BKHCN	*Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2012*

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Quy định quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Thực hiện Quyết định số 2441/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020;

Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quy định quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020 (sau đây viết tắt là Chương trình) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2441/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2010;

2. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện phát triển các sản phẩm quốc gia nằm trong danh mục sản phẩm quốc gia thực hiện từ năm 2012 được quy định tại Quyết định số 439/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ và văn bản bổ sung.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Sản phẩm quốc gia là sản phẩm đáp ứng các tiêu chí được quy định tại Khoản 2 Mục III Điều 1 của Quyết định số 2441/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020 và các tiêu chí được quy định tại Điều 3 của Thông tư số 01/2012/TT-BKHCN ngày 18 tháng 01 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ và văn bản sửa đổi bổ sung.

2. Cơ quan chủ quản sản phẩm quốc gia là các Bộ, ngành, Tập đoàn, Tổng công ty được giao trách nhiệm quản lý, phát triển sản phẩm quốc gia.

3. Đơn vị quản lý kinh phí là đơn vị dự toán cấp 3 có trách nhiệm trực tiếp quản lý và sử dụng dự toán ngân sách nhà nước để phát triển sản phẩm quốc gia.

4. Tổ chức chủ trì dự án là tổ chức, doanh nghiệp được giao chủ trì thực hiện Dự án khoa học và công nghệ hoặc Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm quốc gia của Chương trình (sau đây gọi chung là Dự án).

5. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ là tổ chức, doanh nghiệp được giao chủ trì thực hiện đề tài nghiên cứu, dự án sản xuất thử nghiệm và các nhiệm vụ nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ thuộc Dự án.

6. Giai đoạn sản xuất lô số không là hoạt động sản xuất thử trên hệ thống thiết bị, dây chuyền công nghệ nhằm hoàn thiện, ổn định công nghệ, sản phẩm trước khi đưa vào sản xuất hàng loạt.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nguồn tài chính thực hiện Chương trình

Các nguồn tài chính thực hiện Chương trình bao gồm:

1. Ngân sách nhà nước, gồm:

a) Kinh phí đầu tư phát triển;

b) Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ;

c) Kinh phí sự nghiệp kinh tế;

d) Vốn ODA, viện trợ của nước ngoài.

2. Vốn tín dụng từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam và các Ngân hàng thương mại.

3. Kinh phí từ các doanh nghiệp:

a) Vốn tự có của doanh nghiệp;

b) Vốn huy động khác.

4. Kinh phí từ các quỹ:

a) Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia;

b) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia;

c) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp;

d) Các quỹ khác.

5. Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

Điều 4. Nguyên tắc huy động các nguồn tài chính

1. Dự án có phương án huy động các nguồn tài chính, trong đó nêu đầy đủ nhu cầu về kinh phí, chi tiết theo từng nguồn nêu tại Điều 3 của Thông tư này và thuyết minh rõ khả năng huy động các nguồn tài chính để thực hiện Dự án.

2. Phương án huy động các nguồn tài chính đảm bảo tính khả thi:

a) Các nguồn kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện Dự án cần được các tổ chức tài chính, tín dụng, quỹ xác nhận;

b) Các nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện Dự án cần có ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về nguồn kinh phí đó.

3. Trước khi phê duyệt Dự án, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Dự án đảm bảo phương án huy động đủ các nguồn tài chính để thực hiện Dự án.

Điều 5. Nguyên tắc hỗ trợ và sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước

1. Dự toán kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước là bộ phận thuộc các nguồn dự toán kinh phí phát triển sản phẩm quốc gia trong Dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; việc cân đối nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo cơ cấu theo tỷ lệ với các nguồn kinh phí huy động khác ngoài ngân sách theo Dự án được duyệt. Nhà nước đảm bảo bố trí đủ kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước cho các Dự án đã được phê duyệt.

2. Kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước được lập kế hoạch chi tiết theo từng loại nguồn vốn và phân kỳ theo tiến độ triển khai công việc cho cả giai đoạn thực hiện; được phân bổ và sử dụng theo tiến độ, đảm bảo cơ cấu theo tỷ lệ với các nguồn vốn khác ngoài ngân sách nhà nước trong dự toán của Dự án đã được phê duyệt.

3. Quy trình lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

4. Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp sử dụng kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện Dự án đảm bảo đúng mục đích, đúng chế độ và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền theo quy định hiện hành.

Điều 6. Nguyên tắc sử dụng kinh phí ngoài ngân sách nhà nước

1. Tổ chức chủ trì dự án có trách nhiệm sử dụng và giải ngân kinh phí ngoài ngân sách nhà nước theo đúng phương án huy động các nguồn tài chính, đảm bảo về cơ cấu theo tỷ lệ với nguồn ngân sách nhà nước theo Dự án đã được phê duyệt.

2. Đơn vị quản lý kinh phí có trách nhiệm giám sát việc huy động, giải ngân nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước theo đúng tiến độ, cơ cấu, tổng mức theo Hợp đồng đã ký.

Điều 7. Nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với Dự án

1. Đối với hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

a) Hỗ trợ tối đa đến 100% kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho các đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thuộc Dự án;

b) Nguồn kinh phí hỗ trợ được cân đối từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ;

c) Nội dung hỗ trợ thực hiện theo các quy định hiện hành về sử dụng ngân sách nhà nước đối với đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Ngoài ra, ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ hỗ trợ các nội dung sau:

- Mua bản quyền và công cụ phần mềm; quyền sở hữu, quyền sử dụng công nghệ; quyền đối với giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, tài liệu kỹ thuật, thông tin sở hữu trí tuệ; sản phẩm mẫu để phân tích và giải mã công nghệ theo hợp đồng đã ký kết;

- Tìm kiếm thông tin về công nghệ, bí quyết công nghệ; thuê chuyên gia tư vấn trong nước và nước ngoài theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan khác có liên quan.

2. Đối với dự án sản xuất thử nghiệm

a) Hỗ trợ theo Dự án được duyệt tối đa đến 50% tổng mức kinh phí đầu tư (không bao gồm giá trị còn lại hoặc chi phí khấu hao trang thiết bị, nhà xưởng đã có vào tổng mức kinh phí đầu tư) thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm phục vụ sản xuất sản phẩm quốc gia; tối đa đến 70% tổng mức kinh phí đầu tư để thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp triển khai trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Danh mục các tổ chức hành chính thuộc vùng khó khăn và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

b) Nguồn kinh phí được cân đối từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ;

c) Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 22/2011/TTLT-BTC-BKHCN ngày 21 tháng 02 năm 2011 của liên Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án sản xuất thử nghiệm được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí và các quy định của Thông tư này.

3. Đối với hoạt động chuyển giao công nghệ

a) Đối tượng của hoạt động chuyển giao công nghệ:

- Bí quyết kỹ thuật;

- Kiến thức kỹ thuật về công nghệ được chuyển giao dưới dạng phương án công nghệ, quy trình công nghệ, giải pháp kỹ thuật, công thức, thông số kỹ thuật, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật, chương trình máy tính, thông tin dữ liệu;

- Giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ;

- Mua sắm, nhập khẩu máy móc thiết bị chuyên dụng trong nước chưa sản xuất được phục vụ nghiên cứu hoàn thiện công nghệ cho dự án phát triển sản phẩm quốc gia.

b) Hình thức và phương thức hoạt động chuyển giao công nghệ quy định tại Điều 12 và Điều 18 của Luật Chuyển giao công nghệ.

c) Mức hỗ trợ

- Đối với các sản phẩm phục vụ an ninh quốc phòng, sản phẩm bảo đảm an ninh, an toàn mạng thông tin, sản phẩm vắc-xin phòng bệnh cho người và vật nuôi của Việt Nam, sản phẩm lúa gạo Việt Nam chất lượng cao, năng suất cao thì được ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ hỗ trợ tối đa đến 50%, phần kinh phí còn lại được huy động từ các quỹ, các nguồn khác quy định tại Điều 3 của Thông tư này.

- Đối với các sản phẩm thiết bị siêu trường, siêu trọng, sản phẩm động cơ sử dụng cho phương tiện giao thông vận tải, sản phẩm cá da trơn Việt Nam chất lượng cao và các sản phẩm chế biến từ cá da trơn, sản phẩm nấm ăn và nấm dược liệu, sản phẩm vi mạch điện tử thì được ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ và các quỹ có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa đến 50%, phần kinh phí còn lại được huy động từ nguồn khác.

- Trong trường hợp Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung danh mục sản phẩm quốc gia, liên Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ phối hợp hướng dẫn bổ sung mức hỗ trợ cụ thể đối với hoạt động chuyển giao công nghệ của các sản phẩm quốc gia bổ sung.

4. Đối với Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm quốc gia

a) Hỗ trợ tối đa đến 50% công lao động theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho cán bộ khoa học, nhân viên kỹ thuật trực tiếp thực hiện nội dung nghiên cứu hoàn thiện các quy trình công nghệ, giải pháp khoa học và công nghệ, xây dựng các phần mềm máy tính; thử nghiệm, phân tích, kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm đến khi hoàn thành sản phẩm lô số không;

b) Hỗ trợ tối đa đến 30% kinh phí mua vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, thiết bị đo kiểm, phân tích theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong quá trình

thử nghiệm và sản xuất sản phẩm lô số không của dây chuyền công nghệ, đối với các Dự án trong lĩnh vực nông nghiệp triển khai trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Danh mục các tổ chức hành chính thuộc vùng khó khăn và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) hỗ trợ tối đa đến 50% kinh phí;

c) Nguồn kinh phí hỗ trợ được cân đối từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ.

5. Đầu tư nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ phục vụ phát triển sản phẩm quốc gia

a) Nhà nước hỗ trợ kinh phí đầu tư phát triển cho việc nâng cấp, xây dựng mới trung tâm nghiên cứu và triển khai, phòng thí nghiệm, xưởng thực nghiệm và trạm thử nghiệm cho công tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và hoạt động sản xuất thử nghiệm theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Nguồn kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước chi đầu tư phát triển đối với lĩnh vực khoa học và công nghệ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành;

c) Nội dung và phương thức hỗ trợ được thực hiện theo các quy định hiện hành về việc lập, xây dựng và phê duyệt các dự án đầu tư phát triển.

6. Đối với hoạt động xúc tiến thương mại và phát triển thị trường

a) Nhà nước hỗ trợ kinh phí cho hoạt động xúc tiến thương mại và phát triển thị trường của Dự án;

b) Nội dung và phương thức hỗ trợ thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Bộ Công Thương về cơ chế, chính sách xúc tiến thương mại, phát triển thị trường công nghiệp hỗ trợ phục vụ phát triển sản phẩm quốc gia.

c) Nguồn kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước chi sự nghiệp kinh tế.

Điều 8. Nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ và năng lực làm chủ công nghệ, quản trị công nghệ

1. Hỗ trợ tối đa đến 100% kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ cho đào tạo ngắn hạn; bồi dưỡng nâng cao trình độ và năng lực làm chủ công nghệ, quản trị công nghệ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với cán bộ nghiên cứu, cán bộ kỹ thuật và quản lý thuộc các tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Đối với cán bộ thuộc doanh nghiệp và tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập, mức hỗ trợ tối đa đến 50%.

2. Nội dung và mức chi thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán,

quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức nhà nước.

Điều 9. Nội dung chi ngân sách nhà nước cho hoạt động chung của Chương trình

1. Chi cho hoạt động của Ban chỉ đạo:

a) Chi tổ chức các cuộc họp định kỳ, đột xuất của Ban chỉ đạo;

b) Chi tổ chức các đoàn công tác kiểm tra, giám sát, tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện chương trình;

c) Chi thù lao trách nhiệm của Ban chỉ đạo;

d) Các khoản chi khác của Ban chỉ đạo.

2. Chi cho hoạt động của Ban chủ nhiệm:

a) Chi tiền công theo tháng đối với các thành viên Ban chủ nhiệm;

b) Chi tiền công và các khoản chi theo tiền công của nhân viên theo hợp đồng lao động;

c) Chi thông tin liên lạc, văn phòng phẩm;

d) Chi mua sắm đồ dùng, trang thiết bị văn phòng;

đ) Chi thuê phương tiện phục vụ công tác;

e) Chi tổ chức các hội đồng khoa học và công nghệ, hội đồng thẩm định;

g) Chi kiểm tra, giám sát, giám định, kiểm định, đánh giá nghiệm thu Dự án, Chương trình;

h) Chi đoàn ra, đoàn vào;

i) Chi hoạt động thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo khoa học, sơ kết và tổng kết Dự án, Chương trình;

k) Các khoản chi khác liên quan đến hoạt động chung của Dự án, Chương trình.

3. Chi cho hoạt động của Văn phòng các Chương trình quốc gia về khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là Văn phòng các Chương trình quốc gia):

a) Tiền lương, tiền công và các khoản chi theo lương của cán bộ, nhân viên Văn phòng các Chương trình quốc gia;

b) Chi cho công tác kiểm toán độc lập; công tác thẩm định, kiểm tra nhiệm vụ của Chương trình;

c) Chi công tác phí, hội nghị, hội thảo khoa học, tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết Chương trình, biên soạn và in ấn sách chuyên khảo, kết quả của Chương trình;

d) Chi thông tin, tuyên truyền về hoạt động của Chương trình;

đ) Chi tiền nhà, điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm cho hoạt động của Văn phòng các Chương trình quốc gia;

e) Chi xăng xe, thuê phương tiện, phục vụ công tác chuyên môn;

g) Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ công tác chuyên môn;

h) Chi đoàn ra, đoàn vào;

i) Các khoản chi khác liên quan đến hoạt động chung của các nhiệm vụ và của Chương trình.

4. Kinh phí thực hiện các hoạt động nêu trên của Chương trình được giao về Văn phòng các Chương trình quốc gia trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý và sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 10. Mức chi

1. Chi thù lao trách nhiệm, tiền công cho Ban chỉ đạo, Ban chủ nhiệm

a) Mức chi thù lao trách nhiệm của thành viên Ban chỉ đạo:

- Trưởng Ban chỉ đạo: 500.000 đồng/người/tháng;

- Thành viên Ban chỉ đạo: 400.000 đồng/người/tháng.

b) Mức chi tiền công theo tháng của thành viên Ban chủ nhiệm:

- Chủ nhiệm: 5.000.000 đồng/tháng;

- Phó chủ nhiệm, Ủy viên thư ký: 4.500.000 đồng/tháng;

- Ủy viên: 4.000.000 đồng/tháng.

2. Các nội dung chi còn lại quy định tại Điều 9 của Thông tư này được vận dụng theo các quy định hiện hành về chế độ chi tiêu ngân sách nhà nước.

Điều 11. Lập dự toán, phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước hỗ trợ Chương trình

Việc lập dự toán, phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước đối với Chương trình thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Thông tư này hướng dẫn cụ thể một số điểm như sau:

1. Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, Tổ chức chủ trì dự án căn cứ vào Dự án đã được phê duyệt, xây dựng dự toán chi ngân sách trong năm kế hoạch, chi tiết đối với từng nguồn kinh phí theo quy định tại Điều 3 của Thông tư này gửi Đơn vị quản lý kinh phí. Đơn vị quản lý kinh phí xem xét, tổng hợp dự toán của các Tổ chức chủ trì dự án gửi Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (trường hợp không phải là Cơ quan chủ quản sản phẩm quốc gia) để tổng hợp gửi Cơ quan chủ quản sản phẩm quốc gia.

Văn phòng các Chương trình quốc gia tổng hợp dự toán kinh phí của các Dự án thuộc sản phẩm quốc gia do các Tập đoàn, Tổng công ty được giao trách nhiệm quản lý, phát triển gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Trong trường hợp Tổ chức chủ trì dự án đồng thời là Đơn vị quản lý kinh phí thì Tổ chức chủ trì dự án sẽ xây dựng dự toán gửi Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (trường hợp không phải là Cơ quan chủ quản sản phẩm quốc gia) để tổng hợp gửi Cơ quan chủ quản sản phẩm quốc gia.

2. Cơ quan chủ quản sản phẩm quốc gia căn cứ vào Dự án đã được phê duyệt, kinh phí đã được cân đối và báo cáo dự toán của đơn vị trực thuộc để rà soát, tổng hợp dự toán chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý và gửi Bộ Khoa học và Công nghệ, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

3. Văn phòng các Chương trình quốc gia xây dựng dự toán ngân sách hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban chủ nhiệm Chương trình, Văn phòng các Chương trình quốc gia, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp dự toán phát triển sản phẩm quốc gia vào dự toán chi ngân sách nhà nước về khoa học công nghệ hàng năm gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định.

5. Căn cứ vào dự toán chi ngân sách nhà nước của Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, dự toán ngân sách nhà nước thực hiện chương trình phát triển sản phẩm quốc gia được giao trực tiếp về Cơ quan chủ quản sản phẩm quốc gia để thực hiện.

Điều 12. Giải ngân kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ đối với các Dự án

1. Đối với kinh phí của các Dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý

a) Mở tài khoản, nhận kinh phí và kiểm soát chi

- Bộ Khoa học và Công nghệ giao dự toán hàng năm theo tiến độ và khối lượng công việc thực hiện, phù hợp với hợp đồng ký kết giữa Văn phòng các Chương trình quốc gia và các Tổ chức chủ trì dự án;

- Văn phòng các Chương trình quốc gia mở tài khoản dự toán tại Kho bạc Nhà nước để nhận kinh phí ngân sách nhà nước và thanh toán kinh phí thực hiện Dự án của Tổ chức chủ trì dự án, kinh phí hoạt động chung của Chương trình. Căn cứ vào dự toán ngân sách được giao, Văn phòng các Chương trình quốc gia thực hiện thanh toán kinh phí cho Tổ chức chủ trì dự án để thực hiện Dự án theo hợp đồng đã ký kết.

Văn phòng các Chương trình quốc gia có trách nhiệm kiểm soát chi và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, hợp lệ, hồ sơ, chứng từ chi của Tổ

chức chủ trì dự án; thực hiện thanh quyết toán với Kho bạc Nhà nước nơi Văn phòng các Chương trình quốc gia giao dịch theo quy định hiện hành.

- Tổ chức chủ trì dự án mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch hoặc Ngân hàng Thương mại (trường hợp Tổ chức chủ trì dự án là doanh nghiệp) để tiếp nhận kinh phí thực hiện dự án theo hợp đồng do Văn phòng các Chương trình quốc gia thanh toán.

Tổ chức chủ trì dự án phải xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ của Dự án để công khai, minh bạch và tự chịu trách nhiệm về quyết định chi tiêu của mình; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của kinh phí thực hiện Dự án của Văn phòng các Chương trình quốc gia về tình hình sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện Dự án.

- Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát theo các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng giữa Văn phòng các Chương trình quốc gia ký với Tổ chức chủ trì dự án. Kho bạc Nhà nước không kiểm soát tài khoản tiền gửi Tổ chức chủ trì dự án mở tại Kho bạc Nhà nước; không kiểm soát hồ sơ chi tiết từng khoản chi của Tổ chức chủ trì dự án, Tổ chức chủ trì dự án chịu trách nhiệm về quyết định chi tiêu của mình và thực hiện quyết toán kinh phí với Văn phòng các Chương trình quốc gia. Văn phòng các Chương trình quốc gia có trách nhiệm kiểm tra các khoản chi của Tổ chức chủ trì dự án theo đúng chế độ, tiêu chuẩn định mức hiện hành.

b) Đối với các khoản chi cho các hoạt động của Văn phòng các Chương trình quốc gia từ tài khoản dự toán; Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát chi theo quy định tại Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước;

c) Kiểm soát chi đối với Hợp đồng thực hiện Dự án giữa Văn phòng các Chương trình quốc gia và Tổ chức chủ trì dự án

- Tạm ứng lần đầu: Căn cứ vào nội dung các công việc được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước trong dự án đã được duyệt và hợp đồng được ký kết, Văn phòng các Chương trình quốc gia rút dự toán để tạm ứng kinh phí lần đầu cho Tổ chức chủ trì dự án bằng 100% kinh phí phân bổ theo dự toán năm đã được giao, nhưng tối đa không quá 50% tổng kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ theo hợp đồng đã ký với Tổ chức chủ trì dự án. Hồ sơ tạm ứng lần đầu gửi Kho bạc Nhà nước bao gồm: Dự toán năm được cấp có thẩm quyền giao; Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước (tạm ứng), trong đó ghi rõ nội dung tạm ứng; Quyết định đấu thầu, chỉ định thầu (nếu có); Hợp đồng thực hiện Dự án giữa Văn phòng các Chương trình quốc gia và Tổ chức chủ trì dự án.

- Tạm ứng các đợt tiếp theo: Việc tạm ứng kinh phí các đợt tiếp theo chỉ được thực hiện đối với Dự án đã có hồ sơ thanh toán tối thiểu 50% mức kinh phí đã tạm ứng các đợt trước đó và không vi phạm các quy định hiện hành của Nhà nước liên

quan đến tổ chức triển khai thực hiện các Dự án, tổng số dư tạm ứng tối đa không quá 50% tổng dự toán kinh phí sự nghiệp hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo hợp đồng đã ký với Tổ chức chủ trì dự án (trừ trường hợp mua sắm thiết bị chưa đủ thủ tục thanh toán vì lý do khách quan được Văn phòng các Chương trình quốc gia xác nhận trên cơ sở đề nghị của Tổ chức chủ trì dự án). Hồ sơ tạm ứng các đợt tiếp theo gửi Kho bạc Nhà nước bao gồm: Dự toán ngân sách nhà nước được giao hàng năm; Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước (tạm ứng), trong đó ghi rõ nội dung tạm ứng; Bản xác nhận của Văn phòng các Chương trình quốc gia và Ban Chủ nhiệm Chương trình về kết quả thực hiện nội dung, tiến độ, khối lượng công việc và kinh phí đã sử dụng tương ứng do Tổ chức chủ trì dự án đã thực hiện.

Ví dụ: Tổng kinh phí hỗ trợ Dự án từ nguồn ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ theo hợp đồng đã ký giữa Văn phòng các Chương trình quốc gia với Tổ chức chủ trì dự án là 10 tỷ đồng. Văn phòng các Chương trình quốc gia rút dự toán để tạm ứng kinh phí lần đầu cho Tổ chức chủ trì dự án là 5 tỷ đồng (bằng mức tối đa).

Tạm ứng đợt tiếp theo: Việc tạm ứng kinh phí các đợt tiếp theo chỉ được thực hiện đối với Dự án đã có hồ sơ thanh toán tối thiểu 2,5 tỷ đồng (tối thiểu bằng 50% mức kinh phí đã tạm ứng các đợt trước đó). Sau khi Dự án đã thanh toán tạm ứng được 2,5 tỷ đồng thì số kinh phí tạm ứng đợt tiếp theo tối đa là 2,5 tỷ đồng để đảm bảo tổng số dư tạm ứng của các đợt (2,5 + 2,5 = 5 tỷ đồng) không vượt quá 50% tổng kinh phí hỗ trợ Dự án từ nguồn ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ.

- Thanh toán tạm ứng: Khi thanh toán tạm ứng, Văn phòng các Chương trình quốc gia gửi hồ sơ thanh toán tạm ứng cho Kho bạc nhà nước nơi giao dịch, hồ sơ thanh toán tạm ứng bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng của Văn phòng các Chương trình quốc gia; Biên bản nghiệm thu Hợp đồng thực hiện Dự án giữa Văn phòng các Chương trình quốc gia và Tổ chức chủ trì dự án.

Hết thời gian thực hiện Dự án, Văn phòng các Chương trình quốc gia phải thực hiện thanh toán tạm ứng tại Kho bạc Nhà nước. Trường hợp, trong thời gian 6 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện Dự án, Văn phòng các Chương trình quốc gia không thực hiện thanh toán tạm ứng với Kho bạc Nhà nước thì Bộ Tài chính thực hiện thu hồi bằng cách giảm trừ vào dự toán năm sau của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Đối với kinh phí của các Dự án do các Bộ, ngành, Tập đoàn, Tổng công ty quản lý

a) Trường hợp Bộ, ngành giao dự toán kinh phí cho Đơn vị quản lý kinh phí trực thuộc trực tiếp thực hiện Dự án thì thực hiện kiểm soát chi theo quy định tại Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước;

b) Trường hợp Bộ, ngành giao dự toán kinh phí cho Đơn vị quản lý kinh phí trực thuộc để ký hợp đồng thực hiện Dự án với các Tổ chức chủ trì dự án không trực thuộc Bộ, ngành đó thì được vận dụng theo quy định tại điểm a, điểm c của khoản 1, Điều 12 của Thông tư này.

3. Tổ chức chủ trì dự án có trách nhiệm sử dụng kinh phí đã tạm ứng đúng mục đích, đúng chế độ. Trường hợp khoản kinh phí đã tạm ứng sử dụng sai mục đích, không đúng chế độ, Đơn vị quản lý kinh phí có trách nhiệm thu hồi hoàn trả ngân sách nhà nước.

Điều 13. Đối với kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước chi đầu tư phát triển và các nguồn vốn khác

1. Việc quản lý thanh toán kinh phí đầu tư dự án đầu tư sản xuất sản phẩm quốc gia được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước và sửa đổi, bổ sung (nếu có).

2. Việc giải ngân, tạm ứng và thanh toán tạm ứng các nguồn kinh phí khác thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý nguồn kinh phí đó.

Điều 14. Đối với việc mua sắm, quản lý và xử lý tài sản, vật tư, nguyên vật liệu bằng nguồn ngân sách nhà nước

1. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ, Tổ chức chủ trì dự án thực hiện mua sắm, quản lý tài sản, trang thiết bị, vật tư, nguyên vật liệu từ nguồn kinh phí hỗ trợ ngân sách nhà nước theo các quy định hiện hành và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của Đơn vị quản lý kinh phí.

2. Việc quản lý, sử dụng và xử lý tài sản được đầu tư mua sắm từ nguồn kinh phí hỗ trợ ngân sách nhà nước theo các quy định hiện hành.

Điều 15. Công tác kiểm tra và xử lý vi phạm

1. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm Dự án, nhiệm vụ thuộc Dự án chịu sự kiểm tra, kiểm soát của Đơn vị quản lý kinh phí, Cơ quan chủ quản sản phẩm quốc gia, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan khác có liên quan.

2. Hàng năm, Đơn vị quản lý kinh phí phối hợp với Cơ quan chủ quản sản phẩm quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị có liên quan và Cơ quan tài chính cùng cấp kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất tình hình thực hiện nội dung, kinh phí (bao gồm cả nguồn kinh phí ngân sách và nguồn huy động khác) đối với Dự án, nhiệm vụ thuộc Dự án.

3. Trong trường hợp Tổ chức chủ trì dự án, Tổ chức chủ trì nhiệm vụ thuộc Dự án không thực hiện đúng phương án huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước theo Hợp đồng; sử dụng kinh phí sai mục đích, không đúng chế độ

thì Đơn vị quản lý kinh phí xem xét dừng giải ngân kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và quyết định xử lý theo các quy định hiện hành.

Điều 16. Công tác báo cáo quyết toán kinh phí sự nghiệp

Công tác báo cáo quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện theo quy định hiện hành. Thông tư này hướng dẫn cụ thể một số điểm như sau:

1. Định kỳ 6 tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu, Tổ chức chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm báo cáo Tổ chức chủ trì dự án về về kết quả, khối lượng công việc và số kinh phí đã thực hiện theo hợp đồng ký kết để tổng hợp báo cáo với Ban chủ nhiệm Chương trình và Đơn vị quản lý kinh phí.

2. Tổ chức chủ trì dự án chịu trách nhiệm xét duyệt quyết toán đối với các nhiệm vụ thuộc Dự án. Đơn vị quản lý kinh phí chịu trách nhiệm xét duyệt quyết toán đối với Dự án.

3. Trường hợp Tổ chức chủ trì dự án ký hợp đồng với Đơn vị quản lý kinh phí

a) Đối với các nhiệm vụ thuộc Dự án đã nghiệm thu được thực hiện thẩm tra, xét duyệt, phê duyệt quyết toán;

b) Đối với các nhiệm vụ đang trong giai đoạn thực hiện, hàng năm trên cơ sở số kinh phí thực sử dụng và khối lượng công việc đã thực hiện trong năm, Tổ chức chủ trì nhiệm vụ báo cáo tình hình nhận, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước;

c) Sau khi toàn bộ các nhiệm vụ của Dự án đã được nghiệm thu, Tổ chức chủ trì dự án có trách nhiệm tổng hợp quyết toán toàn bộ Dự án trình Đơn vị quản lý kinh phí xét duyệt;

d) Đơn vị quản lý kinh phí có trách nhiệm lập, tổng hợp báo cáo quyết toán Dự án hoàn thành và trình Cơ quan chủ quản sản phẩm quốc gia phê duyệt, tổng hợp vào quyết toán chung gửi Bộ Tài chính theo quy định.

4. Trường hợp Tổ chức chủ trì dự án là Đơn vị quản lý kinh phí, thì các quy định về hạch toán và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành và các quy định cụ thể tại khoản 3 Điều 16 của Thông tư này.

5. Đối với các kinh phí hoạt động chung của Chương trình, Văn phòng các Chương trình quốc gia có trách nhiệm quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 17. Công tác báo cáo quyết toán kinh phí đầu tư phát triển và các nguồn kinh phí khác

1. Đối với kinh phí đầu tư phát triển, việc quyết toán kinh phí được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 210/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quyết toán niên độ ngân sách đối với dự án có nguồn vốn ngân sách nhà nước và Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước.

2. Việc hạch toán và quyết toán các nguồn kinh phí khác thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý nguồn kinh phí đó.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 02 năm 2013.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Đối với Dự án có hiệu quả cao, tác động lớn đến kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cao hơn so với quy định tại Thông tư này do Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ quản lý chuyên ngành, Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, thống nhất quyết định.

2. Ngoài các hướng dẫn quy định tại Thông tư này, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành, địa phương xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định một số cơ chế ưu đãi đặc thù đối với từng sản phẩm quốc gia cụ thể.

3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn và tổ chức thực hiện Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** **THỨ TRƯỞNG**	**KT. BỘ TRƯỞNG** **BỘ TÀI CHÍNH** **THỨ TRƯỞNG**
Chu Ngọc Anh	**Nguyễn Thị Minh**